

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ B  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:52/2018/HNGĐ-ST  
Ngày 07 tháng 9 năm 2018  
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con, cấp dưỡng nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Trần Mạnh Thắng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thu Hương.

2. Ông Ngô Văn Thoa.

**-Thư ký phiên toà:** Ông Đặng Văn Hưng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên toà:** Bà Hà Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 07/9/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố B mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 240/2018/TLST-HNGĐ ngày 02/7/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 21/8/2018, giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1989 (Có mặt).

HKTT: Thôn P, xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Chỗ ở hiện tại: Số nhà 28 ngõ 23 đường Trần Phú, phường Trần Phú, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

**\* Bị đơn:** Anh Vũ Văn H, sinh năm 1987 (Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

HKTT và chỗ ở: Thôn P, xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày:*

Chị và anh H kết hôn ngày 28 tháng 02 năm 2014, đăng ký tại UBND xã S, thành phố B. Chị và anh H kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và được tự do tìm hiểu trước khi kết hôn, đã được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo nghi lễ truyền thống. Sau khi kết hôn chị và anh H về chung sống với nhau ngay.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Bắt đầu đến tháng 3 năm 2018, thì cuộc sống vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp. Từ đó, vợ chồng thường xuyên to tiếng, cãi vã nhau. Hiện tại, vợ chồng đã ly thân, chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở.

Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh H nữa, chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung là Vũ Thu H, sinh ngày 25/02/2016. Ly hôn, chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu H. Chị đề nghị anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng đến khi cháu H đủ 18 tuổi với mức là 1.000.000 đồng/tháng. Hiện tại, chị đang kinh doanh tự do tại nhà thu nhập hàng tháng ổn định 6.000.000 đồng/tháng đủ đảm bảo để nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Vũ Văn H cung cấp bản tự khai có nội dung:*

Anh và chị L kết hôn ngày 28 tháng 02 năm 2014, đăng ký tại UBND xã S, thành phố B. Anh chị kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và được tự do tìm hiểu trước khi kết hôn, đã được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo nghi lễ truyền thống. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống với nhau ngay.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Bắt đầu đến năm 2018, thì cuộc sống vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Từ đó, vợ chồng thường xuyên xích mích, cãi vã nhau. Hiện tại, vợ chồng đã ly thân, chị L đã về nhà bố mẹ đẻ ở.

Nay anh xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị L nữa, anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L.

Về con chung: Anh và chị L có 01 con chung là Vũ Thu H, sinh ngày 25/02/2016. Ly hôn, anh không yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu H. Anh đồng ý để chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hương. Về việc chị L có yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Hiện tại, anh đang có công việc, thu nhập ổn định là 4.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh H có đơn đề nghị đề ngày 14/8/2018 đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt đối với anh trong quá trình giải quyết vụ án.

*\* Tài liệu, chứng cứ thu thập được:* Biên bản xác minh ngày 26/7/2018, bố đẻ anh Vũ Văn H và đại diện chính quyền đại phương thôn P, xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang cung cấp: Chị L và anh H là vợ chồng. Sau khi kết hôn vào năm 2014, chị L, anh H có sinh sống cùng với gia đình nhà anh H tại thôn P, xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Đến năm 2018 thì cuộc sống vợ chồng nảy sinh mâu

thuần. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Hiện tại, vợ chồng đã ly thân, không còn tình cảm gì với nhau nữa.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã nhiều lần mở phiên họp hòa giải nhưng anh H đều vắng mặt. Do vậy, không thể tiến hành việc hòa giải giữa các đương sự.

Tại phiên tòa hôm nay chị L giữ nguyên quan điểm như đã trình bày: Chị đề nghị được ly hôn anh H, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng kể từ ngày 01/10/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử; Xử:

+ Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Vũ Văn H.

+ Về con chung: Giao con chung Vũ Thu H, sinh ngày 25/02/2016 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng kể từ ngày 01/10/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

+ Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng:

Xét yêu cầu khởi kiện của chị L thì thấy đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn, nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B theo khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh H vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt đối với anh H là phù hợp.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh H kết hôn ngày 28 tháng 02 năm 2014 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu trước khi kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên xác nhận là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, qua xác minh tại địa phương, cũng như theo trình bày của chị L và anh H thì cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Hiện tại, vợ chồng đã ly thân, không ai còn tình cảm và quan tâm gì đến nhau.

Hội đồng xét xử thấy quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh H đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hơn nữa, chị L và anh H đều nhất trí ly hôn. Do vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để xử cho chị L được ly hôn anh H.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị L và anh H có 01 con chung là Vũ Thu H, sinh ngày 25/02/2016. Chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Tại bản tự khai, anh H nhất trí để chị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Mặt khác, hiện tại con chung chưa đủ 36 tháng tuổi, vẫn đang sinh sống cùng chị L, phát triển khỏe mạnh bình thường và chị L có công việc, thu nhập ổn định đảm bảo cuộc sống cho con chung. Do vậy, giao con chung Vũ Thu Hương cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, phù hợp với ý chí của hai bên, cũng như đảm bảo quyền và lợi ích của con chung.

[2.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị L yêu cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng kể từ ngày 01/10/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tại bản tự khai, anh H đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu của chị L thì thấy, mức cấp dưỡng chị L yêu cầu là phù hợp để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường của con chung. Mặt khác, hiện tại anh H có công việc, thu nhập ổn định 4.000.000 đồng/tháng. Do vậy, căn cứ vào các Điều 82, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của chị L.

[3] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Anh H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Vũ Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung Vũ Thu H, sinh ngày 25/02/2016 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng (Một triệu đồng trên một tháng) kể từ ngày 01/10/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này.

3. Về án phí:

- Chị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B theo biên lai số AA/2018/0001026 ngày 02/7/2018. Xác nhận chị L đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

- Anh H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị L có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND TP. B;
- CCTHADS TP. B;
- UBND xã S;
- Các đương sự.
- Lưu HS, VP.

**TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa  
(Đã ký)**

**Trần Mạnh Thắng**

